HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2023/NQ-HĐND	*Kiên Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-BKTNS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang bao gồm: Đăng ký bảo

hộ sáng chế; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

1. Mức hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ trong nước

a) Đối với đăng ký bảo hộ sáng chế: 24 triệu đồng/đơn.

b) Đối với đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 24 triệu đồng/đơn .

c) Đối với đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 12 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

2. Mức hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài

Đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 48 triệu đồng/đơn khi đơn đăng ký được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

3. Các nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung và các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lắp.

b) Trường hợp một đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách về hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì tổ chức, cá nhân được chọn chính sách hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Nhà nước được bố trí trong dự toán kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Kiên Giang hàng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Mười bảy thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Mai Văn Huỳnh



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

KINH PHÍ CHI HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2023//NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
I	**Tăng cường các hoạt động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ**				**140,600,000**	**562,400,000**	**508,000,000**	
1	**Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ và văn hóa sở hữu trí tuệ**	**Lớp**	**2**		**59,000,000**	**236,000,000**	**236,000,000**	Mỗi giai đoạn tổ chức 08 lớp
-	Chi thù lao giảng viên	Buổi	2	1,600,000	3,200,000			
-	Hỗ trợ tiền ăn	Ngày	3	200,000	600,000			
-	Thuê phòng nghỉ	Đêm	2	700,000	1,400,000			
-	Chi phí đi lại của giảng viên (vé máy bay Hà Nội - Cần Thơ và ngược lại; taxi từ nhà - sân bay, sân bay - khách sạn và ngược lại)				12,280,000			
-	Thuê hội trường, máy chiếu...	Ngày	1	7,000,000	7,000,000			
-	Banrol	Cái	1	1,000,000	1,000,000			
-	Nước uống	Buổi	2	60,000	120,000			
-	Chi phí gửi thư	Thư	60	5,000	300,000			
-	Chi phí tài liệu	Bộ	60	50,000	3,000,000			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
-	Văn phòng phẩm				600,000			
2	**Tham gia từ đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức**	**Lớp**	**3**		**81,600,000**	**326,400,000**	**272,000,000**	Giai đoạn 2023-2026 tham gia 12 lớp; 2027-2030 tham gia 10 lớp
*	**Tại Hà Nội**	**Lớp**	**2**		**56,400,000**			
-	Thuê xe (từ Rạch Giá - sân bay Cần Thơ và ngược lại)	Chuyến	2	1,800,000	3,600,000			
-	Vé máy bay Hà Nội - Cần Thơ và ngược lại (03 người x 2.000.000đ/người/vé)	Lượt	2	6,000,000	12,000,000			
-	Thuê xe từ sân bay Nội Bài - Hà Nội và ngược lại	Lượt	2	1,200,000	2,400,000			
-	Phòng nghỉ (02 phòng x 900.000đ/đêm)	Đêm	4	1,800,000	7,200,000			
-	Phụ cấp (03 người x 200.000đ/người/ngày)	Ngày	5	600,000	3,000,000			
**	**Các tỉnh, thành phố khác (01 lớp x 25.200.000đ/lớp)**	**Lớp**	**1**		**25,200,000**			
-	Thuê xe			15,000,000	15,000,000			
-	Phòng nghỉ (02 phòng x 900.000đ/đêm)	Đêm	4	1,800,000	7,200,000			
-	Phụ cấp (03 người x 200.000đ/người/ngày)	Ngày	5	600,000	3,000,000			
II	**Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ**				**216,000,000**	**864,000,000**	**864,000,000**	

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới (01 đơn giống cây trồng hoặc sáng chế; 12 văn bằng nhãn hiệu, kiểu dáng; 01 đơn bảo hộ nước ngoài)				**216,000,000**	**864,000,000**	**864,000,000**	Mỗi năm hỗ trợ (01 đơn giống cây trồng hoặc sáng chế; 12 văn bằng nhãn hiệu, kiểu dáng; 01 đơn bảo hộ nước ngoài) từ năm 2023-2030
III	**Hỗ trợ thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT**				**50,000,000**	**200,000,000**	**250,000,000**	
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	Đơn vị	5	10,000,000	50,000,000			Giai đoạn 2023-2026 hỗ trợ 20 đơn vị; Giai đoạn 2027-2030 hỗ trợ 25 đơn vị
IV	**Hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong xã hội**				**75,000,000**	**200,000,000**	**225,000,000**	
1	**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng**				**50,000,000**	**200,000,000**	**200,000,000**	
-	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang	Kỳ	4	8,000,000	32,000,000			
-	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên Báo Kiên Giang.	Kỳ	6	3,000,000	18,000,000			
2	**Vinh danh khen thưởng đối với các tập thể cá nhân có thành tích trong hoạt động Sở hữu trí tuệ**	Hội nghị	1	25,000,000	**25,000,000**	-	**25,000,000**	Giai đoạn 2023-2030 thực hiện 1 lần
V	**Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ** *(Sau khi xác định danh mục sẽ tuyển chọn và có chi tiết kinh phí thực hiện (thẩm định theo quy định)*	**Nhiệm vụ**	**2**	**400,000,000**	**800,000,000**	**3,200,000,000**	**2,400,000,000**	Mỗi năm 02 nhiệm vụ đến năm 2029

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
VI	**Quản lý nhiệm vụ**				**135,970,000**	**364,070,000**	**346,310,000**	
1	**Họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ cấp tỉnh**	**Cuộc**	**1**		**10,260,000**	**41,040,000**	**30,780,000**	Mỗi năm Họp 01 cuộc từ 2023-2029
*	***Chi họp:***							
-	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	800,000	800,000			
-	Phó chủ tịch, thành viên	Người	8	640,000	5,120,000			
-	Thư ký hành chính	Người	1	240,000	240,000			
-	Đại biểu được mời tham dự	Người	4	160,000	640,000			
**	***Chi nhận xét đánh giá:***							
-	Ủy viên	Người	7	240,000	1,680,000			
-	Phản biện	Người	2	400,000	800,000			
***	***Khác:***							
-	Photo tài liệu	Bộ	14	30,000	420,000			
-	Gửi tài liệu thư mời	Bộ	14	20,000	280,000			
-	Nước uống	Người	14	20,000	280,000			
2	**Họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp cấp tỉnh**	**Cuộc**	**2**		**26,720,000**	**106,880,000**	**80,160,000**	Mỗi năm Họp 02 cuộc từ 2023-2029
*	***Chi họp:***							
-	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	1,200,000	1,200,000			
-	Phó chủ tịch, thành viên	Người	8	800,000	6,400,000			
-	Thư ký hành chính	Người	1	240,000	240,000			
	Đại biểu được mời tham dự	Người	4	160,000	640,000			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
**	***Chi nhận xét đánh giá:***							
-	Ủy viên	Người	7	400,000	2,800,000			
-	Phản biện	Người	2	550,000	1,100,000			
***	***Khác:***							
-	Photo tài liệu	Bộ	14	30,000	420,000			
-	Gửi tài liệu thư mời	Bộ	14	20,000	280,000			
-	Nước uống	Người	14	20,000	280,000			
3	**Họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ cấp tỉnh**	**Cuộc**	**2**		**7,500,000**	**30,000,000**	**22,500,000**	Mỗi năm Họp 02 cuộc từ 2023-2029
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Người	1	560,000	560,000			
-	Thành viên tổ thẩm định	Người	5	400,000	2,000,000			
-	Thư ký hành chính	Người	1	240,000	240,000			
-	Đại biểu mời tham dự	Người	2	160,000	320,000			
	Chi khác:							
-	Photo tài liệu	Bộ	9	30,000	270,000			
-	Gửi tài liệu thư mời	Bộ	9	20,000	180,000			
-	Nước uống	Người	9	20,000	180,000			
4	**Họp Hội đồng tư vấn, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ**	**Cuộc**	**2**		**26,720,000**	**80,160,000**	**106,880,000**	Mỗi năm Họp 02 cuộc từ 2024-2030
-	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	1,200,000	1,200,000			
-	Phó chủ tịch, thành viên	Người	8	800,000	6,400,000			
-	Thư ký hành chính	Người	1	240,000	240,000			
-	Đại biểu được mời tham dự	Người	4	160,000	640,000			
**	***Chi nhận xét đánh giá:***							
-	Ủy viên	Người	7	400,000	2,800,000			
-	Phản biện	Người	2	550,000	1,100,000			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
***	***Khác:***							
-	Photo tài liệu	Bộ	14	30,000	420,000			
-	Gửi tài liệu thư mời	Bộ	14	20,000	280,000			
-	Nước uống	Người	14	20,000	280,000			
5	**Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ**				**13,740,000**	**54,960,000**	**54,960,000**	
*	**Các huyện trong tỉnh**	**lượt**	**1**		**2,460,000**			
-	Thuê xe	lượt	1	1,500,000	1,500,000			
-	Phụ cấp (06 người x 160.000đ/người/ngày)	ngày	1	960,000	960,000			
*	**Thành phố Phú Quốc**	**lượt**	**1**		**11,280,000**			
-	Thuê xe	lượt	1	1,500,000	1,500,000			
-	Phụ cấp (06 người x 250.000đ/người/ngày)	ngày	2	1,500,000	3,000,000			
-	Phòng nghỉ (03 phòng x 900.000đ/đêm)	đêm	1	2,700,000	2,700,000			
-	Vé tàu (06 vé x 340.000đ/người/lượt)	lượt	2	2,040,000	4,080,000			
6	**Tổ chức các hội thảo khoa học**				**28,020,000**	**28,020,000**	**28,020,000**	2023-2026 tổ chức 1 cuộc, 2027-2030 tổ chức 1 cuộc
-	Chủ trì hội thảo	Người	1	1,050,000	1,050,000			
-	Thư ký hội thảo	Người	1	350,000	350,000			
-	Báo cáo tham luận trình bày tại Hội thảo	Tham luận	5	1,400,000	7,000,000			
-	Báo cáo tham luận không trình bày tại Hội thảo	Tham luận	2	700,000	1,400,000			

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Mức chi	Kinh phí thực hiện 01 năm	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2026	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030	Ghi chú
-	Đại biểu tham dự	Người	63	140,000	8,820,000			
-	Băng rôn	Cái	1	1,000,000	1,000,000			
-	Tài liệu	Bộ	70	100,000	7,000,000			
-	Nước uống	Người	70	20,000	1,400,000			
7	**Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình**				**23,010,000**	**23,010,000**	**23,010,000**	2026 sơ kết, 2030 tổng kết
	Tính cho 1 hội nghị				**23,010,000**			
-	Báo cáo viên				16,000,000			
+	Thù lao (2 người, 01 buổi)	Người	2	1,200,000	2,400,000			
+	Tiền ăn (02 người, 02 ngày)	Ngày	4	200,000	800,000			
+	Tiền nghỉ (02 người, 02 ngày)	Ngày	4	350,000	1,400,000			
+	Vé máy bay, tàu xe (04 lượt)	Vé	4	2,500,000	10,000,000			
+	Taxi di chuyển	Ngày	2	700,000	1,400,000			
-	Tài liệu	Bộ	70	50,000	3,500,000			
-	Gửi thư nhanh	Cái	94	15,000	1,410,000			
-	Băng rôn	Cái	1	700,000	700,000			
-	Nước uống	Người	70	20,000	1,400,000			
TỔNG CỘNG						**5,390,470,000**	**4,593,310,000**	